

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

- Câu 1.** Đặc điểm cơ bản của môn Địa lí là
 A. chỉ nghiên cứu tự nhiên. B. mang tính tổng hợp.
 C. không liên hệ môn khác. D. chỉ nghiên cứu xã hội.
- Câu 2.** Ở cấp trung học phổ thông, môn Địa lí thuộc nhóm môn
 A. khoa học xã hội. B. ngôn ngữ. C. nghệ thuật. D. giáo dục thể chất.
- Câu 3.** Kiến thức địa lí tự nhiên liên quan trực tiếp đến ngành nghề nào?
 A. Thương mại. B. Du lịch. C. Khí hậu học. D. Quản trị kinh doanh.
- Câu 4.** Ngành nào sau đây liên quan trực tiếp đến địa lí kinh tế – xã hội?
 A. Thổ nhưỡng học. B. Khí tượng học. C. Địa chất học. D. Du lịch.
- Câu 5.** Việc học Địa lí có thể giúp học sinh
 A. hiểu môi trường sống và thích ứng với thay đổi.
 B. chỉ ghi nhớ tên các địa danh.
 C. không cần quan sát thực tế.
 D. chọn nghề mà không cần cân nhắc.
- Câu 6.** Môn Địa lí có quan hệ với các môn học khác vì
 A. chỉ đề cập bản đồ. B. có tính tổng hợp.
 C. không nghiên cứu kinh tế. D. chỉ sử dụng số liệu.
- Câu 7.** Học sinh muốn tìm hiểu nghề quy hoạch đô thị nên vận dụng kiến thức
 A. chỉ về khoáng sản. B. chỉ về đá macma. C. địa lí tổng hợp. D. chỉ về khí áp.
- Câu 8.** Đối tượng nào thường được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?
 A. Hướng gió. B. Dòng biển. C. Hải cảng. D. Luồng di dân.
- Câu 9.** Phương pháp phù hợp để biểu hiện hướng gió là
 A. kí hiệu. B. chấm điểm.
 C. khoanh vùng. D. kí hiệu đường chuyển động.
- Câu 10.** Mỗi điểm chấm trên bản đồ theo phương pháp chấm điểm có ý nghĩa là
 A. một đơn vị hành chính. B. một giá trị số lượng nhất định.
 C. một hướng di chuyển. D. một khu vực khí hậu.
- Câu 11.** Phương pháp thường dùng để thể hiện vùng trồng thuốc lá là
 A. khoanh vùng. B. kí hiệu. C. bản đồ – biểu đồ. D. đường chuyển động.
- Câu 12.** Để thể hiện diện tích và sản lượng lúa theo từng tỉnh trên cùng một bản đồ, sử dụng
 A. chấm điểm. B. kí hiệu đường. C. bản đồ – biểu đồ. D. khoanh vùng.
- Câu 13.** Ưu điểm của phương pháp kí hiệu là
 A. chỉ cho biết tên đối tượng. B. thể hiện vị trí và quy mô đối tượng.
 C. chỉ biểu hiện sự di chuyển. D. chỉ thể hiện ranh giới vùng.
- Câu 14.** Các luồng di dân thường được thể hiện bằng phương pháp
 A. bản đồ – biểu đồ. B. khoanh vùng.
 C. chấm điểm. D. kí hiệu đường chuyển động.
- Câu 15.** Phương pháp nào thường dùng để thể hiện dân cư phân tán?
 A. Chấm điểm. B. Đường chuyển động. C. Bản đồ – biểu đồ. D. Khoanh vùng.
- Câu 16.** Để đọc hiệu quả một bản đồ, trước hết cần
 A. xác định yêu cầu đọc bản đồ. B. tính ngay độ dài thực tế.
 C. so sánh mọi biểu đồ. D. xác định tất cả địa danh.
- Câu 17.** Bảng chú giải của bản đồ giúp người đọc
 A. biết ngày xuất bản. B. hiểu ý nghĩa các kí hiệu.
 C. đọc độ cao Mặt Trời. D. tính tuổi của đá.
- Câu 18.** Để giải thích sự phân bố lượng mưa, nên kết hợp bản đồ khí hậu với bản đồ
 A. hành chính. B. giao thông. C. địa hình. D. khoáng sản.
- Câu 19.** GPS xác định vị trí đối tượng chủ yếu dựa vào
 A. hệ thống vệ tinh. B. la bàn cơ học. C. các đường đồng mức. D. máy đo nhiệt độ.
- Câu 20.** Ứng dụng nào dưới đây là ứng dụng của GPS và bản đồ số?

- A. Tạo ra các tầng đá.
C. Xác định tuổi đá.

- B. Làm thay đổi chuyển động Trái Đất.
D. Dẫn đường và quản lý phương tiện.

Câu 21. Để khai thác bản đồ hiệu quả, cần tìm hiểu kĩ

- A. bảng chú giải. B. bìa sách.

- C. năm in sách. D. tên nhà in.

Câu 22. Bản đồ số thường được lưu trữ và thể hiện trên

- A. chỉ bản đồ giấy. B. thiết bị điện tử.

- C. chỉ la bàn. D. chỉ thước tỉ lệ.

Câu 23. Theo bài học, vật chất nào góp phần hình thành Trái Đất?

- A. Khí và bụi quanh Mặt Trời.

- B. Chỉ nước và băng.

- C. Chỉ lớp trầm tích.

- D. Chỉ đá biến chất.

Câu 24. So với vỏ đại dương, vỏ lục địa thường

- A. mỏng hơn. B. dày hơn.

- C. chỉ gồm badan.

- D. không có trầm tích.

Câu 25. Loại đá nào là đá macma?

- A. Đá vôi. B. Đá hoa.

- C. Đá granit.

- D. Đá phiến sét.

Câu 26. Đá biến chất được hình thành chủ yếu do

- A. sự bốc hơi của nước biển.

- B. sự ngưng tụ mây.

- C. sự tích tụ băng tuyết.

- D. nhiệt độ và áp suất làm biến đổi đá có trước.

Câu 27. Độ dày của vỏ đại dương trong bài học khoảng

- A. 5–10 km.

- B. 20–30 km.

- C. 40–50 km.

- D. 60–70 km.

Câu 28. Đá vôi được xếp vào nhóm đá

- A. macma.

- B. biến chất.

- C. trầm tích.

- D. nhân tạo.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG / SAI

Câu 1. Về đặc điểm và vai trò của môn Địa lí:

- a) Môn Địa lí vừa nghiên cứu tự nhiên vừa nghiên cứu kinh tế – xã hội.
b) Môn Địa lí hoàn toàn không liên quan các môn khoa học khác.
c) Kiến thức Địa lí có thể giúp định hướng nghề nghiệp.
d) Địa lí chỉ có ích đối với người làm nghề dạy học.

Câu 2. Về mối liên hệ giữa Địa lí và nghề nghiệp:

- a) Khí hậu học liên quan trực tiếp tới kiến thức địa lí tự nhiên.
b) Du lịch có liên hệ với địa lí kinh tế – xã hội.
c) Môn Địa lí không hỗ trợ tìm hiểu môi trường sống.
d) Quy hoạch lãnh thổ có thể vận dụng kiến thức địa lí tổng hợp.

Câu 3. Xét các phương pháp biểu hiện đối tượng địa lí trên bản đồ:

- a) Dòng biển có thể biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu đường chuyển động.
b) Các trung tâm công nghiệp thường được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu.
c) Phương pháp chấm điểm chỉ dùng cho những đối tượng phân bố tập trung ở một điểm duy nhất.
d) Bản đồ – biểu đồ có thể thể hiện số lượng hoặc cơ cấu theo đơn vị lãnh thổ.

Câu 4. Về phương pháp biểu hiện trên bản đồ:

- a) Phương pháp khoanh vùng thể hiện đối tượng chỉ phân bố ở khu vực nhất định.
b) Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thích hợp cho luồng di dân.
c) Phương pháp chấm điểm dùng chủ yếu để biểu hiện hướng gió.
d) Mỗi điểm chấm có thể đại diện cho một lượng đối tượng nhất định.

Câu 5. Một học sinh dùng điện thoại có bản đồ số và GPS để tìm đường đến bảo tàng:

- a) GPS hỗ trợ xác định vị trí hiện tại của người dùng.
b) Bản đồ số có thể hỗ trợ lựa chọn tuyến đường.
c) GPS chỉ sử dụng được khi người dùng đứng ở vị trí cố định.
d) Bản đồ số có thể được ứng dụng trong quản lý phương tiện giao thông.

Câu 6. So sánh thành phần và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất:

- a) Vỏ lục địa thường dày hơn vỏ đại dương.
b) Vỏ đại dương có lớp granit dày là thành phần chủ yếu.
c) Đá vôi thuộc nhóm đá trầm tích.
d) Đá hoa thuộc nhóm đá biến chất.

III. TRẢ LỜI NGẮN

A. Tính và điền kết quả

- Câu 1.** Bản đồ tỉ lệ 1 : 3 000 000, hai địa điểm cách nhau 3 cm trên bản đồ. Khoảng cách thực tế là bao nhiêu km?
- Câu 2.** Bản đồ tỉ lệ 1 : 2 000 000. Một đoạn đường dài 4,5 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?
- Câu 3.** Bản đồ có tỉ lệ 1 : 10 000 000. Hỏi 1 cm trên bản đồ tương ứng bao nhiêu km ngoài thực địa?
- Câu 4.** Một bản đồ tỉ lệ 1 : 500 000, khoảng cách giữa hai điểm đo được 8 cm. Tính khoảng cách thực tế (km).
- Câu 5.** Bản đồ tỉ lệ 1 : 200 000. Hai địa điểm cách nhau 7 cm trên bản đồ. Tính khoảng cách thực địa (km).
- Câu 6.** Bản đồ có tỉ lệ 1 : 4 000 000; quãng đường thực tế dài 240 km. Tính độ dài trên bản đồ (cm).
- Câu 7.** Bản đồ tỉ lệ 1 : 200 000 000. 1 cm trên bản đồ tương ứng bao nhiêu km ngoài thực địa?
- Câu 8.** Trên bản đồ, 5 cm ứng với 150 km ngoài thực địa. Hãy xác định tỉ lệ số của bản đồ.

B. Điền từ / cụm từ thích hợp

- Câu 1.** Môn Địa lí có tính _____ do kết hợp kiến thức tự nhiên và kinh tế – xã hội.
- Câu 2.** Phương pháp _____ thường dùng để biểu hiện những đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ trên lãnh thổ.
- Câu 3.** GPS là tên viết tắt của hệ thống _____ toàn cầu.
- Câu 4.** Đá granit và đá badan thuộc nhóm đá _____.

IV. TỰ LUẬN

- Câu 1.** Trình bày đặc điểm, vai trò của môn Địa lí và nêu các ngành nghề liên quan đến kiến thức địa lí.
- Câu 2.** Phân biệt phương pháp kí hiệu, chấm điểm và bản đồ – biểu đồ về đối tượng và khả năng thể hiện. Cho ví dụ.
- Câu 3.** Trình bày các bước đọc bản đồ trong học tập và nêu ba ứng dụng của GPS và bản đồ số.
- Câu 4.** So sánh vỏ lục địa và vỏ đại dương; phân biệt ba nhóm đá theo nguồn gốc hình thành.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I – ĐỊA LÍ 10

Phạm vi: Bài 1–4

I. BẢNG ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	2	A	3	C	4	D
5	A	6	B	7	C	8	C
9	D	10	B	11	A	12	C
13	B	14	D	15	A	16	A
17	B	18	C	19	A	20	D
21	A	22	B	23	A	24	B
25	C	26	D	27	A	28	C

II. BẢNG ĐÁP ÁN ĐÚNG / SAI

Câu	a – b – c – d
Câu 1	Đ – S – Đ – S
Câu 2	Đ – Đ – S – Đ
Câu 3	Đ – Đ – S – Đ
Câu 4	Đ – Đ – S – Đ
Câu 5	Đ – Đ – S – Đ
Câu 6	Đ – S – Đ – Đ

III. ĐÁP ÁN TRẢ LỜI NGẮN

Câu	Kết quả
1	90 km
2	90 km
3	100 km
4	40 km
5	14 km
6	6 cm

7	2 000 km
8	1 : 3 000 000

- Điền từ: 1. tổng hợp; 2. chấm điểm; 3. định vị; 4. macma.

PHẦN A. GIẢI CHI TIẾT TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đáp án: B

- Môn Địa lí nghiên cứu đồng thời các thành phần tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội và mối quan hệ giữa chúng, vì vậy có tính tổng hợp.

Câu 2. Đáp án: A

- Ở cấp THPT, Địa lí được xếp trong nhóm môn khoa học xã hội.

Câu 3. Đáp án: C

- Khí hậu học nghiên cứu khí hậu và các yếu tố khí hậu nên liên hệ trực tiếp với địa lí tự nhiên.

Câu 4. Đáp án: D

- Du lịch gắn với dân cư, kinh tế, văn hóa, dịch vụ và tổ chức lãnh thổ, thuộc lĩnh vực địa lí kinh tế – xã hội.

Câu 5. Đáp án: A

- Học Địa lí giúp hiểu môi trường sống, các biến đổi tự nhiên – xã hội và nâng cao khả năng thích ứng; các phương án còn lại thu hẹp hoặc sai vai trò của môn học.

Câu 6. Đáp án: B

- Địa lí có tính tổng hợp nên thường vận dụng kiến thức của nhiều khoa học khác để giải thích các hiện tượng trên lãnh thổ.

Câu 7. Đáp án: C

- Quy hoạch đô thị cần tổng hợp kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế, hạ tầng và không gian lãnh thổ.

Câu 8. Đáp án: C

- Hải cảng là đối tượng có vị trí xác định, thường được biểu hiện bằng kí hiệu điểm/biểu tượng.

Câu 9. Đáp án: D

- Hướng gió là hiện tượng có hướng di chuyển nên phù hợp với phương pháp kí hiệu đường chuyển động.

Câu 10. Đáp án: B

- Trong phương pháp chấm điểm, mỗi điểm chấm đại diện cho một số lượng nhất định của đối tượng.

Câu 11. Đáp án: A

- Vùng trồng thuốc lá thường chỉ xuất hiện trong một số khu vực nhất định nên dùng phương pháp khoanh vùng.

Câu 12. Đáp án: C

- Bản đồ – biểu đồ cho phép gắn biểu đồ vào từng đơn vị lãnh thổ để thể hiện quy mô/số lượng, có thể so sánh các chỉ tiêu như diện tích và sản lượng.

Câu 13. Đáp án: B

- Phương pháp kí hiệu cho biết vị trí và có thể thể hiện quy mô, số lượng hoặc chất lượng thông qua kích thước, màu sắc, dạng kí hiệu.

Câu 14. Đáp án: D

- Luồng di dân có hướng xuất phát – hướng đến nên dùng kí hiệu đường chuyển động.

Câu 15. Đáp án: A

- Dân cư phân bố phân tán trên lãnh thổ thường biểu hiện bằng chấm điểm.

Câu 16. Đáp án: A

- Đọc bản đồ phải bắt đầu từ việc xác định mục đích/yêu cầu cần khai thác, sau đó mới chọn nội dung và kí hiệu liên quan.

Câu 17. Đáp án: B

- Bảng chú giải giải thích ý nghĩa của màu sắc, kí hiệu, đường nét dùng trên bản đồ.

Câu 18. Đáp án: C

- Lượng mưa chịu ảnh hưởng mạnh của địa hình; vì vậy cần kết hợp bản đồ khí hậu với bản đồ địa hình để giải thích sự phân bố.

Câu 19. Đáp án: A

- GPS xác định vị trí dựa vào tín hiệu từ hệ thống vệ tinh.

Câu 20. Đáp án: D

- Dẫn đường, xác định vị trí và quản lí phương tiện là các ứng dụng điển hình của GPS và bản đồ số.

Câu 21. Đáp án: A

- Muốn hiểu đúng các đối tượng trên bản đồ phải đọc kĩ bảng chú giải.

Câu 22. Đáp án: B

- Bản đồ số được lưu trữ và hiển thị trên các thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính, thiết bị định vị.

Câu 23. Đáp án: A

- Theo nội dung đề cương, vật chất góp phần hình thành Trái Đất là khí và bụi quanh Mặt Trời.

Câu 24. Đáp án: B

- Đề cương khẳng định vỏ lục địa thường dày hơn vỏ đại dương.

Câu 25. Đáp án: C

- Đá granit thuộc nhóm đá macma.

Câu 26. Đáp án: D

- Đá biến chất hình thành khi đá có trước bị biến đổi do nhiệt độ và áp suất.

Câu 27. Đáp án: A

- Độ dày vỏ đại dương được nêu trong đề cương khoảng 5–10 km.

Câu 28. Đáp án: C

- Đá vôi thuộc nhóm đá trầm tích.

PHẦN B. GIẢI CHI TIẾT ĐÚNG / SAI

Câu 1

a) Đáp án: Đúng

- Môn Địa lí nghiên cứu cả tự nhiên và kinh tế – xã hội.

b) Đáp án: Sai

- Địa lí có tính tổng hợp và có quan hệ với nhiều môn/khoa học khác.

c) Đáp án: Đúng

- Kiến thức địa lí hỗ trợ định hướng nhiều nghề nghiệp.

d) Đáp án: Sai

- Địa lí có ích trong nhiều lĩnh vực, không chỉ nghề dạy học.

Câu 2

a) Đáp án: Đúng

- Khí hậu học thuộc nhóm kiến thức gắn trực tiếp với địa lí tự nhiên.

b) Đáp án: Đúng

- Du lịch có liên hệ chặt với địa lí kinh tế – xã hội.

c) Đáp án: Sai

- Địa lí giúp tìm hiểu môi trường sống và sự thay đổi của môi trường.

d) Đáp án: Đúng

- Quy hoạch lãnh thổ cần vận dụng kiến thức địa lí tổng hợp.

Câu 3

a) Đáp án: Đúng

- Dòng biển có hướng chuyển động nên có thể dùng kí hiệu đường chuyển động.

b) Đáp án: Đúng

- Trung tâm công nghiệp có vị trí xác định và thường được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu.

c) Đáp án: Sai

- Chấm điểm dùng cho đối tượng phân bố phân tán; mỗi điểm đại diện một lượng nhất định, không phải chỉ cho một điểm tập trung duy nhất.

d) Đáp án: Đúng

- Bản đồ – biểu đồ có thể thể hiện số lượng hoặc cơ cấu theo đơn vị lãnh thổ.

Câu 4

a) Đáp án: Đúng

- Khoanh vùng dùng cho các đối tượng phân bố ở những khu vực nhất định.

b) Đáp án: Đúng

- Luồng di dân phù hợp với kí hiệu đường chuyển động.

c) Đáp án: Sai

- Hướng gió phù hợp với kí hiệu đường chuyển động, không phải chấm điểm.

d) Đáp án: Đúng

- Mỗi chấm có thể đại diện cho một lượng đối tượng xác định.

Câu 5

a) Đáp án: Đúng

- GPS hỗ trợ xác định vị trí hiện tại.

b) Đáp án: Đúng

- Bản đồ số có thể gợi ý/chọn tuyến đường.

c) Đáp án: Sai

- GPS có thể xác định vị trí khi người dùng đang di chuyển; không chỉ dùng khi đứng yên.

d) Đáp án: Đúng

- Bản đồ số được ứng dụng trong theo dõi, điều hành và quản lí phương tiện.

Câu 6

a) Đáp án: Đúng

- Đề cương nêu vỏ lục địa thường dày hơn vỏ đại dương.

b) Đáp án: Sai

- Đề cương không coi lớp granit dày là thành phần chủ yếu của vỏ đại dương; phát biểu này trái với nội dung so sánh cấu tạo.

c) Đáp án: Đúng

- Đá vôi là đá trầm tích.

d) Đáp án: Đúng

- Đá hoa là đá biến chất.

PHẦN C. TRẢ LỜI NGẮN – TÍNH TOÁN

- Quy đổi cần nhớ: 1 km = 100 000 cm.
- Với tỉ lệ 1 : N: 1 cm trên bản đồ tương ứng N cm ngoài thực địa.
- Khoảng cách thực tế = khoảng cách bản đồ $\times$ mẫu số tỉ lệ; sau đó đổi cm $\rightarrow$ km.
- Độ dài trên bản đồ = độ dài thực tế (đổi ra cm) $\div$ mẫu số tỉ lệ.

Câu 1. Đáp án: 90 km

- Tỉ lệ 1 : 3 000 000, bản đồ 3 cm.
 $3 \times 3\,000\,000 = 9\,000\,000\text{ cm.}$
 $9\,000\,000 : 100\,000 = 90\text{ km.}$

Câu 2. Đáp án: 90 km

- Tỉ lệ 1 : 2 000 000, bản đồ 4,5 cm.
 $4,5 \times 2\,000\,000 = 9\,000\,000\text{ cm.}$
 $9\,000\,000 : 100\,000 = 90\text{ km.}$

Câu 3. Đáp án: 100 km

- Tỉ lệ 1 : 10 000 000, hỏi 1 cm ngoài thực địa.
 $1\text{ cm bản đồ} = 10\,000\,000\text{ cm thực tế.}$
 $10\,000\,000 : 100\,000 = 100\text{ km.}$

Câu 4. Đáp án: 40 km

- Tỉ lệ 1 : 500 000, bản đồ 8 cm.
 $8 \times 500\,000 = 4\,000\,000\text{ cm.}$
 $4\,000\,000 : 100\,000 = 40\text{ km.}$

Câu 5. Đáp án: 14 km

- Tỉ lệ 1 : 200 000, bản đồ 7 cm.
 $7 \times 200\,000 = 1\,400\,000\text{ cm.}$
 $1\,400\,000 : 100\,000 = 14\text{ km.}$

Câu 6. Đáp án: 6 cm

- Tỉ lệ 1 : 4 000 000, thực tế 240 km.
 $240\text{ km} = 24\,000\,000\text{ cm.}$
 $24\,000\,000 : 4\,000\,000 = 6\text{ cm.}$

Câu 7. Đáp án: 2 000 km

- Tỉ lệ 1 : 200 000 000, hỏi 1 cm ngoài thực địa.
 $1\text{ cm bản đồ} = 200\,000\,000\text{ cm thực tế.}$
 $200\,000\,000 : 100\,000 = 2\,000\text{ km.}$

Câu 8. Đáp án: 1 : 3 000 000

- 5 cm trên bản đồ ứng với 150 km ngoài thực địa.
 $150\text{ km} = 15\,000\,000\text{ cm.}$
 $\text{Mẫu số tỉ lệ} = 15\,000\,000 : 5 = 3\,000\,000.$
 $\text{Vậy tỉ lệ số là } 1 : 3\,000\,000.$

B. Điền từ / cụm từ thích hợp

Câu 1. Đáp án: tổng hợp

- Vì môn Địa lí kết hợp kiến thức tự nhiên và kinh tế – xã hội.

Câu 2. Đáp án: chấm điểm

- Phương pháp chấm điểm biểu hiện các đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ; mỗi chấm tương ứng một lượng nhất định.

Câu 3. Đáp án: định vị

- GPS là Hệ thống định vị toàn cầu.

Câu 4. Đáp án: macma

- Đá granit và đá badan đều thuộc nhóm đá macma.

PHẦN D. GỢI Ý GIẢI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày đặc điểm, vai trò của môn Địa lí và nêu các ngành nghề liên quan đến kiến thức địa lí.

- Đặc điểm: Địa lí là môn học có tính tổng hợp, nghiên cứu cả tự nhiên và kinh tế – xã hội; chú ý mối quan hệ giữa con người, tự nhiên và các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ.
- Vai trò: giúp người học hiểu môi trường sống, giải thích sự phân bố và biến đổi của các hiện tượng địa lí, biết sử dụng bản đồ/GPS/bản đồ số, nâng cao khả năng thích ứng và có cơ sở định hướng nghề nghiệp.

- Ngành nghề liên quan trực tiếp được thể hiện trong đề cương: khí hậu học; du lịch; quy hoạch đô thị/quy hoạch lãnh thổ.
- Có thể trình bày thêm các nghề gần với kiến thức địa lí nếu giáo viên yêu cầu mở rộng, nhưng ba nhóm trên là những ví dụ được đề cương nhắc trực tiếp.

Câu 2. Phân biệt phương pháp kí hiệu, chấm điểm và bản đồ – biểu đồ về đối tượng và khả năng thể hiện. Cho ví dụ.

Phương pháp	Đối tượng phù hợp	Khả năng thể hiện	Ví dụ
Kí hiệu	Đối tượng có vị trí xác định	Vị trí; có thể thể hiện quy mô/chất lượng qua kí hiệu	Hải cảng, trung tâm công nghiệp
Chấm điểm	Đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ	Mỗi chấm đại diện cho một lượng đối tượng nhất định	Dân cư phân tán
Bản đồ – biểu đồ	Các chỉ tiêu theo đơn vị lãnh thổ	Số lượng, quy mô hoặc cơ cấu bằng biểu đồ đặt trên lãnh thổ	Diện tích và sản lượng lúa theo tỉnh

- Phân biệt cốt lõi: kí hiệu nhấn mạnh vị trí đối tượng; chấm điểm nhấn mạnh sự phân tán và số lượng; bản đồ – biểu đồ tổng hợp chỉ tiêu theo đơn vị lãnh thổ.

Câu 3. Trình bày các bước đọc bản đồ trong học tập và nêu ba ứng dụng của GPS và bản đồ số.

- Bước 1: Xác định yêu cầu/mục đích đọc bản đồ.
- Bước 2: Đọc tên bản đồ để biết nội dung và phạm vi thể hiện.
- Bước 3: Đọc bảng chú giải để hiểu các kí hiệu, màu sắc, đường nét.
- Bước 4: Xác định vị trí, phạm vi, sự phân bố và các đặc điểm cần khai thác; khi cần, kết hợp nhiều bản đồ để giải thích mối quan hệ (ví dụ lượng mưa với địa hình).
- Bước 5: Nhận xét, so sánh và rút ra kết luận theo yêu cầu.
- Ba ứng dụng GPS và bản đồ số: (1) xác định vị trí hiện tại; (2) dẫn đường/lựa chọn tuyến đường; (3) theo dõi, quản lí và điều hành phương tiện giao thông.

Câu 4. So sánh vỏ lục địa và vỏ đại dương; phân biệt ba nhóm đá theo nguồn gốc hình thành.

- Theo đề cương: vỏ lục địa thường dày hơn vỏ đại dương; vỏ đại dương có độ dày khoảng 5–10 km.
- Đề cương cũng cho thấy phát biểu 'vỏ đại dương có lớp granit dày là thành phần chủ yếu' là sai; đá badan là đá macma và thường gắn với cấu tạo vỏ đại dương.
- Để hoàn thiện phần so sánh theo kiến thức bài học: vỏ lục địa dày và cấu tạo phức tạp hơn, có lớp granit rõ; vỏ đại dương mỏng hơn, thành phần bazan chiếm ưu thế và không có lớp granit dày.
- Ba nhóm đá theo nguồn gốc:
 - Đá macma: hình thành khi vật chất nóng chảy (magma) nguội và đông đặc. Ví dụ trong đề cương: granit, badan.
 - Đá trầm tích: hình thành do vật liệu bị phong hóa, vận chuyển, lắng đọng rồi gắn kết/nén ép. Ví dụ trong đề cương: đá vôi.
 - Đá biến chất: hình thành từ đá có trước bị biến đổi chủ yếu bởi nhiệt độ và áp suất. Ví dụ trong đề cương: đá hoa.

LƯU Ý KHI LÀM BÀI

- Phân tính tỉ lệ bản đồ phải ghi đúng đơn vị cm và km.
- Đề cương giới hạn Bài 1–4; không có bài tính giờ trên Trái Đất và không có kiến thức Bài 5.
- Với câu tự luận, nên trình bày theo ý rõ ràng, mỗi ý một dòng; câu so sánh nên dùng bảng hoặc chia hai cột để tránh bỏ sót.